

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGÀNH THÉP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010-2025

TS. NGHIÊM GIA

Tổng Công ty Thép Việt Nam

Bối cảnh kinh tế Thế giới hiện nay có nhiều tác động đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Quá trình hội nhập kinh tế Thế giới tạo nên cơ hội thuận lợi song cũng đang đặt ra thách thức lớn cho ngành Công nghiệp Việt Nam nói chung và ngành Thép Việt Nam nói riêng. Phát triển ngành Thép sẽ tạo nên động lực để chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH-HĐH). Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng, hạ giá thành và tạo nên thương hiệu sản phẩm (gang và thép) là mục tiêu đặt ra cho ngành Thép Việt Nam trong giai đoạn 2010–2015, có tính đến năm 2025.

Cùng với đà tăng trưởng của ngành Thép Thế giới, ngành Thép Việt Nam đã có mức tăng trưởng đáng kể từ 15-17 %/năm. Tùy thuộc vào mức tăng trưởng GDP của Việt Nam, mức tăng nhu cầu sử dụng thép tăng lên tương ứng. Dự báo đến năm 2020 nhu cầu sử dụng thép của Việt Nam sẽ đạt khoảng từ 24-31 triệu tấn/năm.

1. Bối cảnh kinh tế Thế giới tác động đến thị trường thép Việt Nam

Bối cảnh kinh tế-xã hội của Thế giới giai đoạn 2003-2008, đặc biệt là năm 2007-2009 có nhiều biến động phức tạp và khó lường, phải đối mặt với sự gia tăng biến đổi khí hậu, nạn khủng bố, dịch bệnh, biến động giá cả thất thường. Bối cảnh đó đang tạo ra những cơ hội phát triển và thách thức cho mọi quốc gia. Đặc biệt từ cuối năm 2007 và những tháng cuối 2008 giá các nguyên liệu khoáng sản biến động thất thường (tăng kỷ lục và hạ rất nhanh), tác động rất lớn tới thị trường thép của Thế giới và Việt Nam. Thông tin về giá của một số nguyên liệu như sau:

- ❖ Giá dầu thô: đầu 2008 đã tăng gấp trên 5 lần so với 2004 giá dầu cao nhất đạt 143,1 USD/thùng, nhưng ngày 13/11/2008 chỉ còn 55 USD/thùng;

- ❖ Giá than đá đầu năm 2008 đạt mức 142,5 USD/tấn; giá Cốc cho luyện kim đạt 199,6 USD/tấn (tăng 44,1 % so cùng kỳ năm 2006). Nhưng cuối năm 2008 giá than đá và Cốc đã giảm 30-40 %;

- ❖ Giá quặng sắt, thép phế, phôi thép có diễn biến lớn trong 2008 (theo VSA, IISI và Steel Guru) như sau:

- + Giá quặng sắt của BHP Billiton: đầu năm 2008 trên 130 USD/tấn, nhưng đến tháng 10/2008;

- + Giá thép phế (Đông Nam Á): đầu năm 2008 đã lên tới 750 USD/tấn CFR (loại HMS1/280/20), nhưng đến tháng 10/2008 giá giảm mạnh chỉ còn 235 USD/tấn CFR;

- + Giá phôi thép (Thổ Nhĩ Kỳ): đầu năm 2008 từ 1.250-1.300 USD/tấn FOB, nhưng đến cuối năm 2008 giảm rất mạnh chỉ còn 400-420 USD/tấn CFR.

Các chuyên gia WTO và UNDP đã đánh giá tác động của kinh tế và xã hội Thế giới, khu vực như sau:

- ❖ Đã có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế-xã hội của nhiều nước trên Thế giới, Khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam;

- ❖ Trong xu thế toàn cầu hoá mạnh mẽ, xu thế hợp tác mang tính cạnh tranh sẽ mang lại cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và sự phát triển ngành Thép Việt Nam nói riêng nhiều thuận lợi song cũng có nhiều khó khăn và thách thức mới.

Trước sự biến động giá nguyên, nhiên và vật liệu (tăng và giảm) nên thị trường Thép Thế giới đã chịu nhiều tác động lớn, thể hiện ở các mặt sau đây:

- ❖ Khi giá xăng dầu tăng cao đã dẫn đến chi phí vận tải bằng đường biển tăng cao;

- ❖ Khi giá than, khí và giá điện cho sản xuất thép bằng Lò điện tăng cao, nhiều nước (trong đó có Việt Nam) đã phải điều tiết cắt giảm tiêu thụ điện và áp dụng phương thức sản xuất phôi thép Lò điện vào ca 3 (giờ giá điện thấp). Nhưng đến khi giá xuống quá thấp thì nhiều nhà máy đã phải cắt giảm sản lượng, thậm chí một số doanh nghiệp nhỏ đã phải đóng cửa;

- ❖ Giá xăng, dầu, khí và điện... đã kéo theo giá quặng sắt, Cốc và thép phế tăng cao rất nhiều so với 2005. Nhưng khi giá xăng và các nguyên liệu giảm, thì giá phôi thép cũng giảm rất mạnh trong những tháng cuối 2008.

Sự thay đổi đột biến giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thép đã làm cho thị trường thép Việt Nam diễn ra phức tạp, biểu hiện ở các mặt sau:

- ❖ Việc nhập khẩu thép phế để sản xuất phôi thép (bằng lò điện) gặp khó khăn;

❖ Tồn kho phôi thép, thép thành phẩm tăng mạnh. Lượng thép cán từ nguồn phôi nhập với giá cao tiêu thụ chậm, thậm chí không tiêu thụ được vì giá quá thấp... Tồn kho thép thành phẩm trong nước tăng do nhu cầu mua giảm, tâm lý người tiêu dùng sợ giá thép tiếp tục giảm. Đồng thời do thị trường bất động sản, đầu tư xây dựng giãn tiến độ nên nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng càng giảm mạnh.

Từ phân tích, nghiên cứu thị trường cho thấy: sự phát triển ngành Thép Việt Nam đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng lớn vào ngành Thép Trung Quốc vì các lý do:

❖ Cốc, than mỡ (để luyện Cốc) và phần lớn phôi thép chủ yếu phải nhập từ Trung Quốc. Trong những tháng cuối năm 2007 và đầu 2008 hàng triệu tấn thép xây dựng kém chất lượng (thép thanh và thép dây) đã được nhập từ Trung Quốc, gây ảnh hưởng đến sản xuất trong nước;

❖ Trung Quốc là nước sản xuất thép lớn nhất Thế giới và đang dư thừa công suất;

❖ Trung Quốc đã ký Hiệp định mậu dịch tự do với ASEAN, trong đó có Việt Nam. Trong những năm gần đây, quan hệ Việt Nam-Trung Quốc đã được nâng lên tầm cao mới. Chính phủ 2 nước đã thống nhất hình thành 2 hành lang và 1 vành đai kinh tế, phấn đấu đưa kim ngạch thương mại giữa 2 nước lên khoảng trên 10 tỷ USD vào 2010.

2. Những cơ hội thuận lợi và thách thức đối với sự phát triển ngành Thép Việt Nam

Phân tích bối cảnh nêu trên đã rút ra được những cơ hội thuận lợi và khó khăn thách thức tác động tới sự phát triển ngành Thép Việt Nam như sau:

2.1. Những cơ hội thuận lợi

❖ Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh: Việc cắt, giảm và loại bỏ hàng rào thuế và phi thuế quan, mở cửa thị trường sẽ giúp các doanh nghiệp tiếp cận các yếu tố đầu vào với chi phí hợp lý hơn, có cơ hội để nâng cao sức cạnh tranh ở trong nước và trên thị trường quốc tế;

❖ Thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài: là thành viên WTO, Việt Nam có một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và minh bạch hơn, môi trường đầu tư có sức hấp dẫn hơn đối với nước ngoài;

❖ Do chính sách mở cửa thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, cho nên ngành Thép Việt Nam có cơ hội tiếp nhận các công nghệ luyện kim tiên tiến của các nước phát triển có nền sản xuất Thép hiện đại một cách nhanh chóng hơn;

❖ Mở rộng thị trường và tăng xuất khẩu: là thành viên của WTO, hàng hóa của nước ta sẽ có cơ hội lớn hơn, bình đẳng hơn trong việc thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế và bình đẳng trong thương mại quốc tế.

2.1. Những khó khăn thách thức

❖ Do ngành thép Việt Nam (từ khâu khai thác và chế biến quặng sắt cho đến luyện cán thép) có quy mô nhỏ, công nghệ chưa hiện đại, chi phí sản xuất cao... nên khó cạnh tranh trên thị trường Thế giới. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các liên doanh có vốn nước ngoài và 100 % vốn nước ngoài đã, đang và sẽ diễn ra gay gắt. Dưới sức ép cạnh tranh, một số doanh nghiệp sản xuất thép nhỏ có thể phải đóng cửa;

❖ Yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe ở phạm vi toàn cầu dẫn tới việc đầu tư khai thác các mỏ nguyên liệu và các dự án luyện kim lớn đòi hỏi phải tăng vốn đầu tư nhiều hơn để bảo vệ môi trường (trong khi nguồn vốn Việt Nam rất hạn chế).

3. Bối cảnh kinh tế và xã hội trong nước tác động đến sự phát triển của ngành Thép Việt Nam

Sau 22 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1987-2009), Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế và xã hội. Nền kinh tế của Việt Nam tăng trưởng khá cao và ổn định với mức bình quân từ 7-8,5 %. Ngành Công nghiệp Việt Nam tăng trưởng liên tục với mức 14-17 %, trong đó ngành Thép Việt Nam có mức tăng trưởng bình quân hàng năm trên 17 %. Song chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức về sự cạn kiệt dần các nguồn nguyên liệu, ô nhiễm và suy thoái môi trường.

Vì thế việc khai thác và chế biến nguyên liệu trong nước cho ngành Thép Việt Nam đang đặt ra nhiệm vụ nặng nề là "khai thác và sử dụng hiệu quả cho tăng trưởng ngành Thép, nhưng phải gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững".

Bản "Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04/9/2007 và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đến 2010 đã được Đại hội Đảng lần thứ IX thông qua với định hướng phát triển ngành Thép Việt Nam như sau:

❖ Đầu tư mở rộng sản xuất thép tại Công ty Gang thép Thái Nguyên trên cơ sở nguồn quặng sắt trong nước.

❖ Đầu tư khai thác quặng sắt Quý Xa, Lào Cai.

❖ Xây dựng nhà máy sản xuất quặng sắt hoàn nguyên trực tiếp (từ quặng sắt và khí tự nhiên trong nước) để thay thế dần thép phế liệu.

❖ Chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà máy thép liên hợp trên cơ sở nguồn quặng sắt từ mỏ Thạch Khê, Hà Tĩnh.

Quan điểm của Chính phủ về khai thác, chế biến quặng sắt phục vụ cho phát triển ngành Thép Việt Nam được nêu trong Quyết định số 124/2006/QĐ-

TTg ngày 30/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến quặng sắt đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 với một số nội dung chính sau đây:

❖ Quặng sắt Việt Nam phải được thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm an ninh trật tự xã hội tại các địa bàn có quặng sắt.

❖ Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến quặng sắt với công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam, nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản.

❖ Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư thăm dò, khai thác và chế biến quặng sắt, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên.

Theo đánh giá của các chuyên gia ngành Thép Việt Nam bối cảnh kinh tế và xã hội trong nước tạo thuận lợi để phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn năm 2010-2020 thể hiện ở các mặt sau đây:

❖ Đảng, Nhà nước quan tâm và chỉ đạo sát sao đối với sự phát triển ngành Thép Việt Nam. Việc khai thác, chế biến quặng sắt mỏ Thạch Khê để cung cấp cho Nhà máy thép liên hợp có công suất 4,5 triệu tấn/năm sẽ được xây dựng tại Hà Tĩnh đã được khẳng định trong các nghị quyết của Đảng, Chính phủ, đó là quyết định quan trọng cho sự phát triển ngành Thép Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020;

❖ Nền kinh tế Việt Nam đã có mức tăng trưởng GDP ổn định ở mức cao trong nhiều năm gần đây (trên 7,5-8 %) và năm 2007 đã đạt được 8,5 %;

❖ Nhu cầu tiêu thụ thép tăng nhanh, năm 2007 tiêu thụ thép tăng trên 20 % so với năm 2006 và đã đạt được từ 8,4-8,5 triệu tấn/năm, bình quân tiêu thụ thép năm 2007 đã đạt 100 kg/người. Với dân số 84 triệu người, Việt Nam sẽ là thị trường tiêu thụ thép lớn ở khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 2010-2020.

Từ năm 2006-2009 đã có sự "bùng nổ đầu tư các dự án sản xuất thép" (năm 2007 và quý I năm 2008 trên nhiều tỉnh đã có 6 dự án Nhà máy thép liên hợp được cấp phép hoặc đã ký kết thoả thuận liên doanh hoặc được Chính phủ đồng ý chủ trương. Ngay ở Hà Tĩnh đã có 3 Dự án Nhà máy thép liên hợp và 1 Dự án sản xuất phôi thép). Điều đó đã gây tác động tới quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam, thể hiện như sau:

3.1. Khả năng cung vượt cầu quá lớn gây lãng phí về đầu tư

❖ Trong "Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015 có xét đến năm 2025" đã được Chính phủ phê duyệt, mục tiêu đến 2020

phải sản xuất 15-18 triệu tấn thép (thép dẹt 8-10 triệu tấn và thép dài 7-8 triệu tấn) nhằm đáp ứng nhu cầu của Việt Nam và xuất khẩu. Nghĩa là: với tổng công suất hiện có trên 7 triệu tấn/năm, thì trong 10 năm tới, ngành Thép Việt Nam chỉ cần đầu tư xây dựng từ 1 đến 2 Nhà máy thép liên hợp với công suất mỗi nhà máy 4-5 triệu tấn/năm là đủ.

❖ Năng lực các nhà máy sản xuất thép cây, thép cuộn Việt Nam hiện nay đã gấp đôi nhu cầu. Nếu tiếp tục đầu tư thêm với công suất 2 triệu tấn/năm nữa sẽ không hợp lý và làm cho sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng (thép cây và cuộn) trong nước càng khó khăn.

❖ Không chuẩn bị đủ nguồn nhân lực và vốn trong thời gian ngắn: vì để thực hiện các dự án này đòi hỏi nguồn lực (vốn và nhân công có kỹ thuật) rất lớn, mà Việt Nam không thể có ngay vậy sẽ huy động ở đâu?

❖ Nguồn nguyên liệu sản xuất thép không thể đáp ứng (thiếu quặng sắt, Cốc và nguyên liệu trợ dung). Nếu nhập khẩu thì hạ tầng cơ sở, cảng biển không thể đáp ứng...

3.2. Ngành Thép không có cơ hội được sử dụng thiết bị và công nghệ tiến tiến

❖ Hầu hết các dự án trong giai đoạn 1 đều chọn thiết bị và công nghệ có quy mô nhỏ. Với thiết bị và công nghệ sản xuất gang Lò cao quy mô nhỏ tuy vốn đầu tư thấp, nhưng tiêu hao nhiều năng lượng và nguyên liệu, hiệu quả đầu tư thấp và gây ô nhiễm môi trường (Trung Quốc đã cấm lưu hành Lò cao nhỏ). Vậy tại sao Việt Nam lại chấp nhận sử dụng các thiết bị và công nghệ này? Những thiết bị lớn và công nghệ hiện đại trong các Dự án nêu sơ sài mang tính định hướng vào giai đoạn 2, mà không nêu rõ khi nào sẽ được đầu tư xây lắp;

❖ Với phương thức đầu tư xây dựng kiểu các dự án "bùng nổ" này sẽ tiềm ẩn rủi ro cao, vì một số nhà đầu tư không có năng lực về vốn và công nghệ. Hậu quả là ngành Thép Việt Nam sẽ gánh chịu (do sử dụng thiết bị và công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả đầu tư thấp...).

c. Môi trường đầu tư, thời gian đầu tư bị ảnh hưởng

❖ Chính phủ đã phân cấp cho UBND tỉnh được quyền cấp Giấy phép đầu tư, điều này đã rút ngắn thời gian cấp phép. Nhưng do sự hiểu biết về công nghệ và đối tác đầu tư bị hạn chế, nên nhiều tỉnh đã chấp nhận đối tác đầu tư không đủ năng lực nên đã kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư. Vì thế đối với các dự án lớn hàng tỷ USD chúng ta cần phải thẩm định kỹ càng ngay từ bước chọn đối tác, các cơ quan quản lý ngành cần phản biện để tránh sai lầm, mất cơ hội, ảnh hưởng môi trường đầu tư;

❖ Việc phân cấp cho tỉnh cần gắn liền với quản lý thống nhất về quy hoạch của Chính phủ, nếu không sẽ dẫn đến tình trạng cấp phép đầu tư ô ạt, không quan tâm đến chất lượng dự án, phá vỡ cân đối tổng thể cung cấp năng lượng, nguyên liệu, thị trường. Hậu quả sẽ rất nặng nề, lâu dài và ngành Thép Việt Nam phải gánh chịu.

4. Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn năm 2010-2025

4.1. Quan điểm phát triển ngành Thép Việt Nam

❖ Phát triển ngành Thép Việt Nam phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và ngành công nghiệp của cả nước, quy hoạch phát triển KT-XH các địa phương và lộ trình hội nhập của Việt Nam.

❖ Xây dựng, phát triển ngành Thép Việt Nam thành một ngành công nghiệp quan trọng, bảo đảm phát triển ổn định, bền vững, giảm thiểu sự mất cân đối giữa sản xuất gang, phôi thép với sản xuất thép thành phẩm, giữa sản phẩm thép dài với sản phẩm thép dẹt.

❖ Xây dựng ngành Thép Việt Nam với công nghệ tiên tiến hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên của đất nước, bảo đảm hài hoà với bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn phát triển ngành Thép.

❖ Coi trọng, khuyến khích các thành phần, các ngành kinh tế trong nước liên kết, hợp tác với nước ngoài đầu tư xây dựng một số tổ hợp mỏ-luyện kim, nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các thép dẹt quy mô lớn.

4.2. Mục tiêu chiến lược phát triển ngành Thép Việt Nam

Mục tiêu chiến lược phát triển tổng thể của ngành Thép Việt Nam là đáp ứng tối đa nhu cầu các sản phẩm thép, tăng cường xuất khẩu, với các nội dung cụ thể sau:

❖ Sản xuất gang: đáp ứng đủ gang đúc cho sản xuất cơ khí phục vụ trong nước, xuất khẩu, cung cấp phần lớn gang cho cơ sở sản xuất phôi thép trong nước. 2010 đạt 1,5-1,9 triệu tấn gang; 2015 đạt 5,0-5,8 triệu tấn gang; 2020 đạt 8-9 triệu tấn gang, sản phẩm hoàn nguyên; 2025 đạt 10-12 triệu tấn gang, sản phẩm hoàn nguyên.

❖ Sản xuất phôi thép (thép thô): Năm 2010 đạt 3,5-4,5 triệu tấn, năm 2015 đạt 6-8 triệu tấn, năm 2020: 9-11 triệu tấn; năm 2025: 12-15 triệu tấn phôi thép.

❖ Sản xuất thép thành phẩm: năm 2010 đạt 6,3-6,5 triệu tấn (trong đó 1,8-2,0 triệu tấn sản phẩm thép dẹt), năm 2015 đạt 11-12 triệu tấn (6,5-7,0 triệu tấn thép dẹt), năm 2020 đạt 15-18 triệu tấn

(8-10 triệu tấn sản phẩm dẹt), năm 2025 đạt khoảng 19-22 triệu tấn thành phẩm (11-13 triệu tấn sản phẩm dẹt, 0,2 triệu tấn thép đặc biệt).

❖ Xuất khẩu gang, thép các loại: 2010 xuất khẩu đạt 0,5-0,7 triệu tấn; 2015 xuất khẩu đạt 0,7-0,8 triệu tấn; 2020 xuất khẩu đạt 0,9-1,0 triệu tấn; năm 2025 xuất khẩu khoảng 1,2-1,5 triệu tấn.

4.3. Mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng Công ty Thép Việt Nam

Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNSTEEL) được thành lập theo mô hình TCty 91 (theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính Phủ). Cùng với xu thế phát triển kinh tế của Việt Nam và Thế giới, VNSTEEL đã thực hiện việc chuyển đổi tổ chức theo mô hình Công ty mẹ-con từ ngày 1/7/2007 (theo Quyết định số 267/2006/QĐ-TTg ngày 23/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty mẹ-Tổng Công ty Thép Việt Nam) và hiện nay VNSTEEL đang xây dựng đề án để trở thành Tập đoàn Thép Việt Nam vào 2010.

a. Mục tiêu phát triển Tổng Công ty thép Việt Nam giai đoạn 2010-2020

❖ VNSTEEL có nhiệm vụ giữ vai trò chủ đạo trong ngành Thép Việt Nam. Đầu tư phát triển bền vững và hiệu quả, duy trì mức tăng trưởng ổn định trên 10 %/năm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xây dựng Tổng Công ty Thép Việt Nam trở thành Tập đoàn kinh tế đủ mạnh để giữ vai trò chủ đạo và bình ổn thị trường thép Việt Nam;

❖ Phát triển cân đối giữa luyện thép và cán thép, giảm dần tỷ lệ nhập phôi thép, tiến tới đáp ứng cơ bản đủ nguồn phôi cho sản xuất cán thép xây dựng;

❖ Nghiên cứu khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản trong nước (trước hết là nguồn quặng sắt) cho luyện kim;

❖ Nâng trình độ sản xuất của các đơn vị đạt mức tiến tiến so với các nước trong khu vực đủ điều kiện hội nhập với ngành Thép Thế giới;

❖ Thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của ngành Thép Việt Nam: khai thác mỏ quặng sắt Quý Xa, tỉnh Lào Cai và Nhà máy luyện gang Lào Cai; Khai thác mỏ quặng sắt Thạch Khê, tỉnh Hà Tĩnh để cung cấp cho Nhà máy thép liên hợp công suất 4,5 triệu tấn sản phẩm/năm;

❖ Từng bước chiếm lĩnh thị trường và làm chủ thị trường trong nước về các loại thép thông dụng (thép thanh, thép dây và thép ống...), đồng thời chú trọng thị trường xuất khẩu sang Lào và Campuchia.

b. Các giải pháp cụ thể

❖ Sử dụng triệt để nguồn nội lực, tranh thủ tận dụng nguồn vốn, công nghệ nước ngoài, trong đó

(Xem tiếp trang 37)

2. Kết luận

Sau hơn 20 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển rất khích lệ. Tuy nhiên, song song với sự phát triển, chúng ta phải đối mặt với nhiều vấn đề bức xúc về môi trường sinh thái... Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp quy liên quan khác đã giúp các hoạt động khoáng sản đi vào nề nếp, các yêu cầu về bảo vệ môi trường trên từng mỏ đã được thực hiện ở các mức độ khác nhau. Nhưng ở góc nhìn tổng thể thì hiện trạng môi trường ở những vùng có hoạt động khai thác mỏ đang trở thành mối quan ngại của xã hội mà trách nhiệm giải toả thuộc về các doanh nghiệp mỏ. Tuy nhiên, thực tế này lại là điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác mỏ tiếp cận SXSH để thực hiện tốt hơn trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của mình. Bởi vì chỉ có SXSH mới có thể phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu các tác động xấu của khai thác mỏ tới môi trường mà vẫn không làm hạn chế sự tăng trưởng của

hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Website: Environment-safety.com;
WWW.nea.gov.vn/congngheht/sx sach.htm-Vie;
WWW.vncpc.org-Vie;....

Người biên tập: Hồ Sỹ Giao

SUMMARY

All activities of mining are carrying out a lot of pollutions for environment. So that only clean producing caught prevent and decrease the bad impacts of mining on the environment and does not decrease the growth for all mining activities in mines. The paper introduces the conditions, order for resolving some problems on clean producing in mining in Vietnam.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC...

(Tiếp theo trang 33)

nội lực là cơ bản và lâu dài; giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế với xu thế hội nhập để đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành;

❖ Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác của Việt Nam đầu tư vào sản xuất thép;

❖ Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và đầu tư một số nhà máy mới nhằm sản xuất đa dạng chủng loại và quy cách sản phẩm để phục vụ nhu cầu thị trường có tính đến việc lựa chọn nhóm sản phẩm chủ yếu và sản phẩm thép hợp kim theo hướng sau đây:

+ Về năng lực sản xuất: nâng công suất lên 10 triệu tấn thép/năm và 7 triệu tấn phôi/năm bằng cách loại bỏ, thay thế các dây chuyền cũ, công nghệ lạc hậu; đầu tư mới hoặc thay thế các nhà máy theo Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam;

+ Về chất lượng và chủng loại sản phẩm: đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về thép thông dụng; tăng dần tỷ trọng thép chất lượng cao và có giá trị gia tăng cao;

+ Về trình độ công nghệ: đến 2015 các dây chuyền sản xuất trong VNSTEEL đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đủ sức cạnh tranh về chất lượng và giá thành;

+ Về thị trường: giữ vững tỷ lệ 50-60 % thị phần thép xây dựng trong nước và thị trường xuất khẩu (trong đó có Campuchia và Lào); xây dựng, phát triển thương hiệu VNSTEEL và cải cách hệ thống phân phối, bán hàng trên phạm vi toàn quốc. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy hoạch phát triển ngành thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025. Hà Nội. 2007.

2. Nghiêm Gia. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường của Tổng Công ty Thép Việt Nam đến năm 2020. Hội thảo Khoa học Mỏ toàn quốc lần thứ XV. Huế tháng 7 năm 2003.

3. Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến quặng sắt Việt Nam giai đoạn 2005-2010, định hướng đến năm 2020. Hà Nội năm 2005.

4. Nghiêm Gia. Giải pháp đổi mới hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản của Tổng Công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2025. Hội thảo KH Mỏ toàn quốc lần thứ XVII. Đà Nẵng. 2006.

5. Phạm Chí Cường và nnk. Nghiên cứu định hướng phát triển KHCN ngành Thép đến năm 2020. Hà Nội, tháng 12/2006.

6. Steelmaking Materials Monthly. 2003-2009.

7. International Iron and Steel Institute (IISI), 2007-2009.

Người biên tập: Trần Văn Trạch

SUMMARY

The paper suggests some opportunities and challenges for VNSTEEL corporation in the period 2010-2025.